

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 2657 /UBND-KTN
V/v đình chỉ hoạt động gây ô
nhiễm môi trường đối với
Công ty TNHH xử lý môi
trường sạch Việt Nam

Tây Ninh, ngày 18 tháng 10 năm 2018

Kính gửi:

- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- UBND huyện Trảng Bàng.

Xét đề nghị của UBND huyện Trảng Bàng tại Tờ trình số 832/TTr-UBND, ngày 09/10/2018 về việc đình chỉ hoạt động gây ô nhiễm môi trường đối với Công ty TNHH xử lý môi trường sạch Việt Nam (có gửi kèm theo).

Lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh có ý kiến như sau:

Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan làm việc với Sở Tài nguyên và Môi trường, Công an tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tổ chức đình chỉ hoạt động nhà máy xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường của Công ty TNHH xử lý môi trường sạch Việt Nam theo đúng quy định pháp luật.

Đề nghị các đơn vị liên quan căn cứ nội dung công văn trên tổ chức triển khai thực hiện./.

Nơi nhận: *lg*

- Như trên;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- LĐVP-CVK; P.NC;
- Lưu VT

UBND TỈNH TÂY NINH

6



Trần Văn Chiến

Số: 832 /TTr-UBND

Trảng Bàng, ngày 09 tháng 10 năm 2018

TỜ TRÌNH

Về việc đình chỉ hoạt động gây ô nhiễm môi trường đối với
Công ty TNHH xử lý môi trường sạch Việt Nam

UBND TỈNH TÂY NINH
Số: 14732
Ngày: 10/10/18
Chuyên: 1.0.72

Kính gửi: - UBND tỉnh Tây Ninh;
- Sở Tài nguyên và Môi trường.

PT2(h)
p.me(P/h)
Ưưng

Căn cứ Điểm a, Khoản 3, Điều 54 Nghị định 155/2016/NĐ-CP ngày 18/11/2016 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường.

Căn cứ Quyết định số 1517/QĐ-XPVPHC ngày 15 tháng 6 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh về việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường đối với Công ty TNHH xử lý môi trường sạch Việt Nam, ngành nghề hoạt động xử lý chất thải công nghiệp, dầu khí và chất thải nguy hại, địa chỉ: Lô 2, khu xử lý chất thải tập trung Tóc Tiên, xã Tóc Tiên, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (nay là thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu) do ông Nguyễn Mạnh Hiệp, sinh năm: 1947, chức vụ: Giám đốc là người đại diện theo pháp luật về hành vi: Cho chất thải rắn công nghiệp thông thường cho người không có chức năng, năng lực xử lý theo quy định, với hình thức phạt tiền chính là: 55.000.000đ (năm mươi lăm triệu đồng), hình thức phạt bổ sung là buộc nộp số tiền tương đương trị giá của phương tiện sử dụng vi phạm: 670.000.000đ (sáu trăm bảy mươi triệu đồng) và đình chỉ hoạt động nhà máy xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường của Công ty TNHH xử lý môi trường sạch Việt Nam, thời gian 4,5 tháng quy định tại Điểm b, Khoản 5, Điều 1 của Quyết định

Xét đề nghị của Trưởng Công an huyện Trảng Bàng tại Tờ trình số 1290/TTr-CAH ngày 12 tháng 9 năm 2018 ;

Ủy ban nhân dân huyện kính trình UBND tỉnh Tây Ninh xem xét chỉ đạo Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tây Ninh chủ trì, phối hợp với Công an huyện Trảng Bàng, Công an tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Công an Thị xã Phú Mỹ, UBND thị xã Phú Mỹ, UBND xã Tóc Tiên, tổ chức đình chỉ hoạt động nhà máy xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường của Công ty TNHH xử lý môi trường sạch Việt Nam theo đúng quy định của pháp luật.

Trân trọng kính trình/.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- CT, Đ/c Lam - PCT. UBND huyện;
- C, P, Ngân VP;
- Lưu: VT. MT



Nguyễn Văn Lam

Số: 177 /QĐ-XPVPHC

Tây Ninh, ngày 15 tháng 6 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường

Căn cứ Điều 57, Điều 68 Luật xử lý vi phạm hành;

Căn cứ Nghị định số 155/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường;

Căn cứ Biên bản vi phạm hành chính số 53/BB-VPHC do Công an huyện Trảng Bàng, lập 14 giờ 35 phút, ngày 16 tháng 5 năm 2018 tại Công an huyện Trảng Bàng;

Căn cứ kết quả xác minh và các tài liệu có trong hồ sơ;

Căn cứ Quyết định số 501/QĐ-GQXP ngày 22 tháng 02 năm 2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh về việc giao quyền xử phạt vi phạm hành chính;

Xét đề nghị của UBND huyện Trảng Bàng tại Tờ trình số 420/TTr-UBND ngày 08 tháng 6 năm 2018;

Tôi: Trần Văn Chiến; Chức vụ: Phó Chủ tịch;

Đơn vị: Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Xử phạt vi phạm hành chính đối với:

1. Công ty TNHH xử lý môi trường sạch Việt Nam.

Địa chỉ trụ sở chính: Lô 2, khu xử lý chất thải tập trung Tóc Tiên, xã Tóc Tiên, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 3501556403.

Đăng ký lần đầu ngày 12/3/2010, đăng ký thay đổi lần thứ 12, ngày 16/5/2017; nơi cấp: Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Mạnh Hiệp; Sinh năm: 1947; Giới tính: Nam; Chức danh: Giám đốc.

2. Đã thực hiện hành vi vi phạm hành chính: Cho chất thải rắn công nghiệp thông thường cho người không có chức năng, năng lực xử lý theo quy định (tang vật vi phạm là **9.890 kg** chất thải rắn công nghiệp).

3. Quy định tại: Điểm e Khoản 9 Điều 20 Nghị định số 155/2016/NĐ-CP ngày 18/11/2016 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo

vệ môi trường, mức phạt tiền đối với cá nhân từ 25.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng, mức phạt tiền đối với tổ chức bằng 02 lần mức phạt tiền đối với cá nhân.

4. Tình tiết tăng nặng/giảm nhẹ: Không có.

5. Bị áp dụng hình thức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả như sau:

a) Hình thức xử phạt chính: Phạt tiền.

Cụ thể: Phạt tiền **55.000.000 đồng** (Năm mươi lăm triệu đồng).

b) Hình thức xử phạt bổ sung:

+ Đình chỉ hoạt động nhà máy xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường của Công ty TNHH xử lý môi trường sạch Việt Nam thời gian **4,5 tháng**.

+ Buộc Công ty TNHH xử lý môi trường sạch Việt Nam nộp số tiền **670.000.000 đồng** (Sáu trăm bảy mươi triệu đồng) tương đương trị giá của xe ô tô tải có cần cầu biển số: 51D-192.48 theo quy định tại khoản 1 Điều 126 Luật xử lý vi phạm hành chính.

c) Các biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc Công ty TNHH xử lý môi trường sạch Việt Nam chi trả kinh phí trung cầu kiểm định mẫu chất thải là **7.950.000 đồng** (Bảy triệu chín trăm năm mươi nghìn đồng) và xử lý **9.890 kg** chất thải rắn công nghiệp trên theo quy định pháp luật và báo cáo kết quả xử lý cho Công an huyện Trảng Bàng.

Thời hạn thực hiện các biện pháp khắc phục hậu quả là 10 ngày, kể từ ngày nhận được Quyết định này.

d) Tình tiết liên quan: Trả lại 01 (một) xe ô tô tải có cần cầu biển số 51D - 192.48 và giấy tờ kèm theo (giấy đăng ký xe, sổ kiểm định, bảo hiểm dân sự bắt buộc) cho ông Lê Quang Vinh; 01 (một) giấy phép lái xe số 740063000196 cho ông Trương Văn Dũng ngay khi quyết định này có hiệu lực thi hành.

* Tổng số tiền Công ty TNHH xử lý môi trường sạch Việt Nam phải nộp là **732.950.000 đồng** (Bảy trăm ba mươi hai triệu chín trăm năm mươi nghìn đồng).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ~~22~~ tháng ~~12~~ năm 2018.

Điều 3. Quyết định này được gửi cho:

1. Ông Nguyễn Mạnh Hiệp là đại diện cho tổ chức vi phạm có tên tại Điều 1 Quyết định này để chấp hành.

Ông Nguyễn Mạnh Hiệp đại diện cho tổ chức vi phạm có tên tại Điều 1 phải nghiêm chỉnh chấp hành quyết định xử phạt này. Nếu không tự nguyện chấp hành sẽ bị cưỡng chế thi hành theo quy định của pháp luật.

Số tiền phạt quy định tại Điều 1 nộp vào tài khoản số 7111 Kho bạc Nhà nước tỉnh Tây Ninh, địa chỉ: Đường 30/4, phường 1, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày được giao Quyết định xử phạt.

Công ty TNHH xử lý môi trường sạch Việt Nam có quyền khiếu nại hoặc khởi kiện hành chính đối với Quyết định này theo quy định của pháp luật.

2. Kho bạc Nhà nước tỉnh Tây Ninh thu tiền phạt.

3. Công an huyện Trảng Bàng tổ chức thực hiện.

Quyết định này gồm 03 (ba) trang, được đóng giáp lai giữa các trang./.

Nơi nhận: *lq*

- Như Điều 3;

- Lưu: Hồ sơ.

vuong

12.

NGƯỜI RA QUYẾT ĐỊNH
PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Văn Chiến

Hà Nội, ngày 25 tháng 6 năm 2015

GIẤY PHÉP HÀNH NGHỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Mã số QLCTNH: 5-6-7-8.061.VX

(Cấp lần 2)

I. Thông tin chung về chủ hành nghề QLCTNH:

Tên: Công ty TNHH Xử lý Môi trường sạch Việt Nam

Địa chỉ văn phòng: Lô 2, Khu xử lý chất thải tập trung Tóc Tiên, xã Tóc Tiên, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

Điện thoại: 064 3948354 Fax: 064 3948454 E-mail: moitruongsachvn@yahoo.com.vn

Tài khoản số: 67110000330063 tại: Ngân hàng Đầu tư & Phát triển VN Đồng Đồng Nai

Giấy đăng ký kinh doanh số: 3501556403 Ngày cấp (thay đổi lần 10): 15/5/2015

Nơi cấp: Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

II. Nội dung cấp phép:

1. Được phép thực hiện dịch vụ vận chuyển và xử lý CTNH cho các chủ nguồn thải trên địa bàn hoạt động theo Mục 1 của Phụ lục kèm theo.
2. Được phép sử dụng, vận hành các phương tiện, thiết bị chuyên dụng theo Mục 2 của Phụ lục kèm theo.
3. Được phép vận chuyển và xử lý các loại CTNH theo Mục 3 của Phụ lục kèm theo.

III. Trách nhiệm chung của chủ hành nghề QLCTNH:

1. Tuân thủ các quy định tại Luật Bảo vệ môi trường và các văn bản quy phạm pháp luật về môi trường có liên quan.
2. Thực hiện trách nhiệm trong việc vận chuyển và xử lý CTNH theo quy định của pháp luật.

IV. Điều khoản thi hành:

Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ký đến ngày: 25/6/2018 và thay thế Giấy phép hành nghề quản lý CTNH mã số QLCTNH 5-6-7-8.061.VX do Tổng cục Môi trường cấp lần đầu ngày 27 tháng 12 năm 2014 cho Công ty TNHH Xử lý Môi trường sạch Việt Nam.

Số chứng thư 5.2 Quyển số 1... SCT/BS

Nơi nhận: Ngày 28 tháng 3 năm 2016.

- Như phần 1
- UBND tỉnh, Sở TN&MT tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
- Lưu: QLCTNH

TỔNG CỤC TRƯỞNG

Bùi Cách Tuyền

V. CÁC YÊU CẦU CỤ THỂ ĐỐI VỚI CHỦ HÀNH NGHỀ QLCTNH

1. Giấy phép này bảo lưu việc xác nhận việc thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường theo yêu cầu của Quyết định số 205/QĐ-BTNMT ngày 27/02/2013 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc phê duyệt báo cáo Đánh giá tác động môi trường của dự án "Nhà máy xử lý chất thải công nghiệp, dầu khí và chất thải nguy hại Hùng Mạnh Dũng".
2. Không được phép đốt các CTNH có chứa hợp chất halogen hữu cơ, chì, cadimi, thủy ngân vượt ngưỡng CTNH theo quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 07:2009/BTNMT.
3. Công suất nạp chất thải thuộc nhóm bùn thải và hắc ín thải vào lò đốt không quá 50% công suất được cấp phép của các lò đốt (không kể phần phối trộn).
4. Tuân thủ các quy định về tuyến đường, thời gian vận chuyển của địa phương nơi có chuyên vận chuyển CTNH đi qua (nếu có); không được phép vận chuyển CTNH trên các tuyến đường nội đô từ 6h00 đến 9h00 hoặc từ 16h00 đến 21h00.
5. Hạn chế vận chuyển CTNH trên các tuyến đường có các cơ quan hành chính Nhà nước, trường học, bệnh viện và các vị tập trung đông người như: Trung tâm thể dục thể thao, nhà hát, rạp chiếu phim, chợ, trung tâm thương mại... trừ trường hợp thu gom CTNH cho các chu nguồn thải CTNH ở các khu vực này.
6. Trong trường hợp tiếp nhận thêm CTNH từ các chủ vận chuyển hoặc chủ hành nghề QLCTNH khác theo hợp đồng được Tổng cục Môi trường chấp thuận, phải cân đối để đảm bảo tổng công suất xử lý không vượt quá số lượng CTNH được cấp theo Giấy phép này.
7. Khi có nhu cầu thay đổi phương án xử lý trên cơ sở các hệ thống, thiết bị chuyên dụng xử lý chuyên dụng đã được cấp phép thì phải có văn bản giải trình gửi Tổng cục Môi trường để xem xét, chấp thuận trước khi thực hiện.
8. Phải thông báo với Tổng cục Môi trường khi có dự kiến thay đổi, bổ sung đối với các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường Công ty đã đầu tư xây dựng và được Tổng cục Môi trường kiểm tra, xác nhận dưới đây:
 - Hệ thống xử lý khí thải của lò đốt công suất 750 kg/h
 - Hệ thống xử lý khí thải của hệ thống xử lý dầu thải
 - Hệ thống xử lý nước thải tập trung
 - Hệ thống hóa rắn công suất 5 tấn /ngày

VI. DANH SÁCH CÁC CƠ SỞ XỬ LÝ VÀ ĐẠI LÝ VẬN CHUYỂN CTNH

1. Cơ sở xử lý (duy nhất): Nhà máy xử lý chất thải công nghiệp, dầu khí và chất thải nguy hại
Địa chỉ: Lô 2, Khu xử lý chất thải tập trung Tóc Tiên, xã Tóc Tiên, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
Điện thoại: 064 3948354 Fax: 064 3948454 E-mail: moitruongsachvn@yahoo.com.vn
2. Đại lý vận chuyển số 1: Công ty TNHH Đức Bình
Địa chỉ: Số 2/7D5 Trần Bình Trọng, phường 8, Tp. Bà Rịa - Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
Điện thoại: 064 3532641 Fax: 064 3581257
Giấy đăng ký kinh doanh số: 3500737904 Ngày cấp (thay đổi lần 10): 25/5/2013
Nơi cấp: Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
3. Đại lý vận chuyển số 2: Công ty TNHH Thương mại - Dịch vụ Liên Hiệp 3N
Địa chỉ: Số E9, khu phố 6, phường Tam Hiệp, Tp. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
Điện thoại: 061 3894257 Fax: 061 3894257
Giấy đăng ký kinh doanh số: 3600756604 Ngày cấp (thay đổi lần 01): 15/9/2005
Nơi cấp: Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai

PHỤ LỤC

(Kèm theo Giấy phép hành nghề QLCTNH có Mã số QLCTNH:
5-6-7-8.061, VX do Tổng cục Môi trường cấp lần 2 ngày 25 tháng 6 năm 2015)

1. Địa bàn hoạt động được phép:

Vùng	Tỉnh
Duyên hải Nam Trung bộ	"Toàn bộ vùng"
Tây Nguyên	"Toàn bộ vùng"
Vùng Đông Nam bộ	"Toàn bộ vùng"
Vùng đồng bằng Sông Cửu Long	"Toàn bộ vùng"

2. Danh sách các phương tiện, thiết bị chuyên dụng được phép vận hành:

2.1. Danh sách các phương tiện, thiết bị chuyên dụng được phép vận hành của cơ sở xử lý:

TT	Phương tiện, thiết bị	Số lượng	Loại hình
1	Hệ thống, thiết bị chuyên dụng xử lý và sơ chế		
1.1	Lò đốt CTNH, công suất 750 kg/h	01	Thiêu hủy
1.2	Hệ thống súc rửa thùng phuy, công suất 1 tấn/ngày	01	Sơ chế
1.3	Hệ thống xử lý dầu thải bằng phương pháp chưng cất, công suất 5 tấn/ngày	01	Tái chế
1.4	Hệ thống xử lý bóng đèn huỳnh quang công suất 100 kg/ngày	01	Xử lý
1.5	Hệ thống tiền xử lý linh kiện điện tử, công suất 1,5 tấn/ngày	01	Sơ chế
1.6	Hệ thống xử lý ác quy chì, công suất 1,5 tấn/ngày	01	Sơ chế
2	Kho lưu giữ có tổng diện tích 3.680 m ² : - Kho số 1: diện tích 600 m ² (tại Xưởng CTNH số 1) - Kho số 2: diện tích 600 m ² (tại Xưởng CTNH số 2) - Kho số 3: diện tích 800 m ² (tại Xưởng CTNH số 3) - Kho số 4: diện tích 780 m ² - Kho số 5: diện tích 900 m ²	05	Lưu giữ
3	Thiết bị đóng gói, bảo quản		
3.1	Thùng chứa HDPE vuông nắp răng, có đai sắt bảo vệ, thể tích 1 m ³	Theo nhu cầu thực tế Tùy thực tế	Lưu chứa Đóng gói, lưu giữ
3.2	Thùng chứa nắp rời, khoá nắp bằng cổ dẻ (đai siết), thể tích 100 lít		
3.3	Thùng chứa nắp rời, khoá nắp bằng cổ dẻ, thể tích 200 lít		
3.4	Thùng chứa sắt có nắp răng, thể tích 200 lít		
3.5	Bao bì PP, PE hai lớp		
3.6	Bồn chứa bằng thép không gỉ, thể tích 50 m ³	02	Lưu chứa
3.7	Bồn chứa bằng thép không gỉ, thể tích 16 m ³	03	
3.8	Bồn chứa bằng thép không gỉ, thể tích 12 m ³	02	
3.9	Bồn chứa bằng thép không gỉ, thể tích 8 m ³	01	
3.10	Bồn chứa bằng thép không gỉ, thể tích 6 m ³	01	
4	Phương tiện vận chuyển		
	- Xe tải Thaco BKS 72C- 041.12, trọng tải 5,0 tấn*	02	Vận chuyển
	- Xe tải Thaco BKS 72C- 041.90, trọng tải 2,3 tấn*		

5-6-7-8.061.VX (25/6/2015)

2.2. Danh sách các phương tiện, thiết bị chuyên dụng được phép vận hành của các đại lý vận chuyển:

TT	Tên phương tiện, thiết bị chuyên dụng	Số lượng	Loại hình
I	Đại lý vận chuyển số 1: Công ty TNHH Đức Bình		
1	- Xe xitec Hyundai BKS 72L-2781, trọng tải 16,8 tấn* - Xe xitec Hyundai BKS 72N-8519, trọng tải 2,4 tấn*	02	Vận chuyển
2	- Tàu Đức Bình 02 số đăng ký BV 0799, trọng tải 129 tấn - Tàu Đức Bình 03 số đăng ký BV 0036, trọng tải 419 tấn - Tàu Đức Bình 05 số đăng ký BV 1239, trọng tải 310 tấn	03	Vận chuyển
3	- Bồn chứa (loại 2.000 lít, 1.000 lít) - Thùng phuy chuyên dụng (loại 240 lít) - Bao chứa PP, PE (loại 5 kg, 10 kg, 20 kg, 50 kg)	Tùy thực tế	Lưu chứa
II	Đại lý vận chuyển số 2: Công ty TNHH Thương mại – Dịch vụ Liên Hiệp 3N		
1	- Xe tải Thaco BKS 60V-5408, trọng tải 5,5 tấn* - Xe tải Thaco BKS 60S-3612, trọng tải 4,5 tấn* - Xe tải Thaco BKS 60S-3189, trọng tải 3,1 tấn*	03	Vận chuyển
2	- Thùng phuy chuyên dụng (loại 240 lít) - Bao chứa PP, PE (loại 5 kg, 10 kg, 20 kg, 50 kg)	Tùy thực tế	Lưu chứa

Ghi chú: * Phương tiện vận chuyển chính chủ.

3. Danh sách CTNH được phép vận chuyển, xử lý:

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Số lượng được phép (kg/năm)	Mã CTNH	Phương án xử lý	Mức độ xử lý
I	Chất thải đưa vào lò đốt		4.500.000			
I	Bùn thải có chứa các thành phần nguy hại					
	Bùn thải có chứa dầu	Bùn	Không quá 2.250.000 kg/năm	01 03 01 01 03 02 01 04 01 01 04 02 01 04 03 01 04 05 15 02 13 17 05 02 17 05 03	Phối trộn, thiêu hủy trong lò đốt, tro xỉ hóa rắn	QCVN 30: 2012/BTNMT
	Bùn thải từ quá trình xử lý nước thải	Bùn		01 04 07 02 05 01 03 01 08 03 02 08 03 03 08 03 04 08 03 05 08 03 06 08		



		03 07 08
		04 02 04
		10 02 03
		12 02 02
		12 06 05
		12 06 06
		12 07 05
		12 09 03
		19 10 02
		02 07 03
		04 02 05
		05 01 03
		05 02 09
		05 03 06
		05 04 03
		05 05 03
		05 07 05
		05 10 01
		05 11 02
		06 01 03
		06 01 05
		11 05 01
		11 05 02
		11 05 03
		05 11 01
		05 11 02
		08 01 02
		08 02 02
		08 03 02
		17 08 05
		11 05 02
		12 09 02
		17 07 01
		06 01 03
		06 01 05
		04 02 05
		07 01 04
		07 01 05
		07 01 08
		07 03 07
		07 03 09
Bùn thải từ quá trình xử lý khí thải	Bùn/rắn	
Bùn nạo vét, đất đá đào từ khu vực ô nhiễm	Rắn	
Bùn thải và chất thải rắn từ quá trình tối luyện	Bùn/rắn	
Bùn thải lẫn sơn, véc ni, mực in, chất kết dính	Bùn	
Bùn thải từ quá trình xử lý đất	Bùn	
Bùn hoặc nhũ tương thải từ thiết bị khử muối	Bùn/lòng	
Bùn thải từ quá trình sản xuất thủy tinh và sản phẩm thủy tinh	Bùn/rắn	
Bùn thải pha loãng có các thành phần nguy hại từ quá trình vệ sinh lò hơi		
Bùn thải từ quá trình photphat hóa, mạ...	Bùn	

Phối trộn, thiêu
hủy trong lò đốt,
tro xỉ hóa rắn

QCVN 30:
2012/BTNMT

2	Cặn phản ứng và các cặn đáy tháp chưng cất	Rắn/ lỏng	03 01 05 03 02 05 03 03 05 03 04 05 03 05 05 03 06 05 03 07 05		
3	Chất hấp thụ và bã lọc thải	Rắn	03 01 07 03 02 07 03 03 07 03 04 07 03 05 07 03 06 07 03 07 07 12 01 01		
4	Chất thải từ quá trình tẩy mỡ nhờn	Lỏng	01 04 08 07 01 07 17 07 02		
5	Hóa chất, dung dịch, được phẩm thải nguy hại				
	Hóa chất, được phẩm thải	Rắn/ lỏng	13 01 02 13 01 03 13 02 02 13 02 03 16 01 11	Phối trộn, thiêu hủy trong lò đốt, tro xỉ hóa rắn	QCVN 30: 2012/BTNMT
	Hóa chất bảo vệ thực vật, bảo quản gỗ thải	Rắn/ lỏng	02 11 01 03 04 09 03 05 09 09 02 01 09 02 03 09 02 04 09 02 05 14 01 01 14 01 02 14 01 03 14 01 04 16 01 05		
	Hóa chất chống đông thải	Lỏng	15 01 08 15 02 06		
	Các hợp chất isoxyanat thải	Rắn/ lỏng	08 04 01		
	Hóa chất từ phòng thí nghiệm thải	Rắn/ lỏng	19 05 02		
	Hóa chất vô cơ, hữu cơ thải	Rắn/ lỏng	19 05 03 19 05 04		
6	Xúc tác, phụ gia thải	Rắn/ lỏng	03 02 09 19 08 01 19 08 02		

			19 08 03		
			19 08 04		
7	Dung dịch từ ngành phim ảnh thải	Lỏng	19 01 01 19 01 02 19 01 03 19 01 04 19 01 05		
8	Chất thải lây nhiễm (không bao gồm chất thải y tế phát sinh từ các cơ sở khám chữa bệnh)	Rắn/ lỏng	13 01 01 13 02 01		
9	Gia súc, gia cầm chết	Rắn	14 02 01		
10	Chất thải từ quá trình vệ sinh chuồng trại	Rắn/ lỏng/ bùn	14 02 02		
11	Mực in, hộp mực in thải, sơn, chất kết dính có chứa các thành phần nguy hại	Rắn/ lỏng	08 01 01 08 01 03 08 02 01 08 02 03 08 02 04 08 03 01 08 03 03 10 02 01 10 02 02 16 01 09		
12	Bao bì mềm thải	Rắn	14 01 05 18 01 01		
13	Các loại dịch cái thải từ quá trình chiết tách (mother liquor)	Lỏng	03 01 01 03 01 03 03 02 01 03 02 03 03 03 01 03 03 03 03 04 01 03 04 03 03 05 01 03 05 03 03 06 01 03 06 03 03 07 01 03 07 03	Phối trộn, thiếu hủy trong lò đốt, tro xỉ hóa rắn	QCVN 30: 2012/BTNMT
14	Chất thải có chứa các thành phần nguy hại từ quá trình xử lý nước thải và khí thải	Rắn/ lỏng	04 02 03 05 02 08 05 03 05 05 04 02 05 05 02 06 01 04 06 01 06 06 02 01		

5-6-7-8.061.VX (25/6/2015)



			06 03 02
			07 02 01
			07 03 04
			08 01 04
			12 01 03
			12 01 05
			12 01 06
			12 01 07
			12 04 01
			12 06 01
			12 06 04
			12 07 06
15	Các loại hắc ín thải	Rắn/ bùn	01 04 06
			01 05 01
			05 02 05
			05 07 03
			11 03 01
			11 03 02
			12 07 02
16	Chất thải có chứa thành phần nguy hại từ quá trình sản xuất silic, photpho, nito	Rắn/ lỏng	02 08 01
			02 09 01
			02 10 01
			03 02 10
17	Váng bọt dễ cháy từ các quá trình luyện kim	Lỏng/ bùn	05 02 04
18	Nhựa trao đổi ion, chất hấp phụ thải	Rắn	07 01 09
			12 06 01
			12 06 02
			18 02 01
19	Chất thải có chứa thành phần nguy hại từ quá trình xử lý bề mặt, gia công tạo hình, vật liệu mài, vật thể mài	Rắn/ lỏng	07 01 10
			07 02 02
			07 03 04
			07 03 08
			07 03 10
			15 02 08
20	Chất thải từ quá trình chế biến da	Rắn/ bùn	10 01 01
			10 01 02
21	Chất thải nhiệt phân có các thành phần nguy hại	Rắn	12 01 08
22	Chất thải từ quá trình xử lý hoá-lý chất thải	Rắn/ lỏng	12 02 01
			12 02 04
			12 02 05
			12 02 06
23	Chất thải từ quá trình xử lý đất	Rắn	12 09 01
24	Chất thải thiết bị tách dầu nước	Rắn	17 05 01
25	Sản phẩm vô cơ, hữu cơ thải	Rắn/ lỏng	19 03 01
			19 03 02

Phối trộn, thiêu
hủy trong lò đốt,
tro xỉ hóa rắn

QCVN 30:
2012/BTNMT

26	Dung môi thái	Lỏng	08 01 05 16 01 01 17 08 03	Phối trộn, thiếu hủy trong lò đốt, tro xỉ hóa rắn	QCVN 30: 2012/BTNMT
27	Chất thải lẫn dầu	Rắn/ lỏng	01 04 10 05 01 02 05 02 10 05 03 07 05 04 04 05 05 04 05 06 01 05 07 06 12 02 03 12 07 01 15 01 02 17 05 06 19 07 01 15 02 02 15 02 12		
			01 04 04 08 02 05 07 03 06 17 06 02 17 07 04		
			05 08 04 05 08 05 05 09 04 05 09 05		
			01 01 01 01 01 02 01 01 03 01 02 01 05 10 02 05 10 03		
			09 01 01 11 02 01 12 08 01 16 01 14		
			02 11 02 12 01 04 02 11 04 04 01 01 04 01 03 04 02 01 04 02 02 12 01 06 12 01 07 12 04 01		
28	Dầu mỡ, xăng thái	Rắn/ lỏng		Phối trộn, thiếu hủy trong lò đốt, tro xỉ hóa rắn	QCVN 30: 2012/BTNMT
29	Chất gắn, tách khuôn thái	Rắn/ lỏng			
30	Chất thải từ quá trình chế biến quặng sắt, quặng sunfua, thủy luyện đồng,...	Rắn/ lỏng/ bùn			
31	Gỗ thái có chứa các thành phần nguy hại	Rắn			
32	Than hoạt tính thái	Rắn			
33	Bồ hóng, tro, bụi có chứa các thành phần nguy hại	Rắn			

34	Xi và văng bột dễ cháy có chứa thành phần nguy hại	Rắn/lỏng		05 02 01		
				05 02 02		
				05 02 03		
				05 03 01		
				05 03 02		
				05 04 05		
				05 07 01		
				05 07 02		
35	XI hàn có các kim loại nặng hoặc các thành phần nguy hại	Rắn		05 08 06		
				05 09 06		
				07 04 02		
36	Chất thải có kim loại nặng	Rắn		06 02 02		
				12 06 03		
				12 07 01		
37	Đất sét lọc đã qua sử dụng	Rắn		19 09 01		
				19 09 02		
				19 09 03		
38	Các chất oxi hóa thái	Rắn/lỏng		19 09 04		
				17 05 01		
				17 01 03		
39	Chất thải rắn từ thiết bị tách dầu/nước	Rắn		15 02 09		
				02 03 01		
				02 03 02		
40	Nhũ tương thái không cơ clo	Lỏng		02 03 03		
				02 04 03		
				03 02 10		
41	Vụn sơn, gỉ sắt từ phương tiện giao thông đường thủy	Rắn		06 01 01	Phối trộn, thiêu hủy trong lò đốt, tro xỉ hóa rắn	QCVN 30: 2012/BTNMT
				07 01 06		
				10 02 04		
				12 01 02		
				12 08 02		
				12 09 04		
				14 02 01		
				16 01 10		
				19 01 06		
				19 01 08		
				19 07 02		
				19 10 01		
				19 12 01		
				19 12 02		
				19 12 03		
				19 12 05		
II	Chất thải đưa vào hệ thống súc rửa thùng phuy		300.000			
42	Bao bì cứng thái.	Rắn		14 01 06	Súc rửa, thu hồi thùng phuy sạch	QCVN 07: 2009/BTNMT QCVN 40: 2011/BTNMT
				18 01 02		
43	Các bình chứa áp suất chưa bảo đảm rỗng hoàn toàn	Rắn		18 01 03	Tháo áp suất, cắt vỏ bình, súc rửa, thu hồi bình sạch	
				18 01 04		
				13 03 01		
				19 05 01		

III	Chất thải đưa vào hệ thống xử lý dầu thải		1.500.000			
44	Dầu tràn			01 04 04		
45	Dầu thải	Lỏng		07 03 02 07 03 05 15 01 07 15 02 05 16 01 08	Chung cất thu hồi dầu sạch, cặn thải thiếu hủy trong lò đốt	QCVN 07: 2009/BTNMT QCVN 56: 2013/BTNMT
46	Dầu phân tán (disperse oil) thải	Lỏng		08 02 05		
47	Dầu thủy lực thải	Lỏng		17 01 03 17 01 05 17 01 06 17 01 07		
48	Dầu động cơ, hộp số thải	Lỏng		17 02 02 17 02 03 17 02 04		
49	Dầu truyền nhiệt và cách điện thải	Lỏng		17 03 03 17 03 04 17 03 05		
50	Dầu đáy tàu	Lỏng		17 04 01 17 04 02 17 04 03	Chung cất thu hồi dầu sạch, cặn thải thiếu hủy trong lò đốt	QCVN 07: 2009/BTNMT QCVN 56: 2013/BTNMT
51	Chất thải từ thiết bị tách dầu/nước	Lỏng		17 05 04 17 05 05		
52	Nhiên liệu lỏng (các loại dầu) thải	Lỏng		17 06 01 17 06 03		
53	Các loại dầu thải khác	Lỏng		01 04 09 17 07 02 17 07 03 17 07 04		
IV	Chất thải đưa vào hệ thống xử lý bóng đèn huỳnh quang		30.000			
54	Bóng đèn huỳnh quang thải	Rắn		16 01 06	Xử lý bằng hệ thống xử lý bóng đèn huỳnh quang, chất thải phát sinh hóa rắn	QCVN 07: 2009/BTNMT
V	Chất thải đưa vào hệ thống tiền xử lý linh kiện điện tử		450.000			
55	Các thiết bị, bộ phận linh kiện điện tử thải hoặc các thiết bị điện khác có linh kiện điện tử có các thành phần nguy hại	Rắn		15 01 09 15 02 14 16 01 13 19 02 04 19 02 05 19 02 06	Tháo dỡ bằng hệ thống xử lý linh kiện điện tử, thu hồi kim loại, chất thải phát sinh hóa rắn	QCVN 07: 2009/BTNMT
56	Máy ảnh dùng một lần đã qua sử dụng còn chứa pin	Rắn		19 01 07		

VI	Chất thải đưa vào hệ thống xử lý						
57	Chất thải đưa vào hệ thống xử lý	Chất thải nguy hại	Rắn	450.000	16 01 12 19 06 01 19 06 05	Sơ chế bằng hệ thống xử lý rác quy chi, thu hồi nhựa và chi, nước thải phát sinh đưa về hệ thống xử lý nước thải tập trung	QCVN 07: 2009/BTNMT QCVN 40: 2011/BTNMT
58	Dung dịch chất điện phân thải	Lỏng			19 06 04	Trung hòa tại bể trung hòa axit của hệ thống phá dỡ rác quy, nước thải phát sinh đưa về hệ thống xử lý nước thải tập trung	
Tổng cộng				7.230.000			

4. Hồ sơ kèm theo Giấy phép:

Hồ sơ sau đây được Tổng cục Môi trường đóng dấu xác nhận trang bìa và dấu giáp lai là bộ phận không tách rời kèm theo Giấy phép này:

- Bộ hồ sơ đăng ký hành nghề quản lý chất thải nguy hại với dòng chữ sau trên bìa: "Kèm theo Giấy phép có Mã số QLCTNH: 5-6-7-8.061.VX do Tổng cục Môi trường cấp lần 2 ngày 26 tháng 6 năm 2015".

- Bộ hồ sơ đăng ký hành nghề quản lý chất thải nguy hại với dòng chữ sau trên bìa: "Kèm theo Giấy phép có Mã số QLCTNH: 5-6-7-8.061.VX do Tổng cục Môi trường cấp lần đầu ngày 27 tháng 12 năm 2014".